TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Sử Thị Huyền Trang
2. Ông Danh Thi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp Cái N, xã Đ, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin mặt);

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T2, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp Cái N, xã Đ, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đinh Văn T3, sinh năm 1974 và bà Cao Hồng N, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: ấp Cái Nhum, xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Tuyền trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 cưới nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Đông 09/6/2020. Sau khi cưới thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên

cự cải mặc dù gia đình hai bên hàn gắng nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 tháng. Nay chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đinh Ngọc V, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2020 (hiện cháu V đang chung sống với anh T2 và ông bà nội tại ấp Cái Nhum), chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung, không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh Đinh Văn T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất quan hệ hôn nhân vợ chồng yêu thương cưới nhau năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Đông ngày 09/6/2020. Thời gian đầu chung sống tại Bình Dương vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bất đồng ý kiến không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cải nên vợ tôi thuê nhà trọ khác sống riêng. Nay anh về quê sinh sống với con và gia đình cha mẹ anh tại ấp Cái Nhum, còn chị T1 vẫn đi làm. Việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn, bất đồng đã được gia đình hai bên động viên hàn gắng nhưng chị T1 vẫn cương quyết ly hôn nộp đơn ra Toà. Nay anh vẫn còn yêu thương vợ con mong hàn gắng hạnh phúc gia đình để vợ chồng chung sống cùng nhau lo cho con, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đinh Ngọc V, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2020 (con hiện đang sống với anh T2). Nếu Toà án giải quyết ly hôn anh T2 yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 chiếc xe honđa hiện vợ đang quản lý sử dụng, anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Trước đây anh T2 khai vợ chồng không nợ ai. Tại phiên Toà, anh trình bày do anh có mua xe trả góp còn nợ nhưng chưa xác định cụ thể, nợ này từ trước đến nay anh là người chịu trách thanh toán trả góp, nay anh vẫn đồng ý tiếp tục trả, anh không yêu cầu Toà án giải quyết đối với số nợ còn thiếu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đinh Văn T3, bà Cao Hồng N trình bày:

Việc Huỳnh Ngọc T1 yêu cầu giải quyết ly hôn với Đinh Văn T2 thì vợ chồng ông bà đã có nhiều lần động viên hàn gắng, gia đình hai bên suôi gia có tác động hàn gắng cho vợ chồng sum họp nhưng đến nay Huỳnh Ngọc T1 vẫn kiên quyết thì Toà án xét xử theo quy định pháp luật. Đối với cháu V là con chung của T1 và Toàn từ trước đến nay đều sống với vợ chồng ông bà và con trai là anh T2 tại địa phương có cuộc sống đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho

cháu V. Nay ông, bà đề nghị Toà án xem xét giao cháu V cho anh T2 được tiếp tục nuôi dưỡng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh T2. Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc V, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2020 cho anh T2 nuôi dưỡng, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị T1 đã có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của chị T1 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T1.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T1 xin ly hôn với anh T2 và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T1 và anh T2 kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Đông và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T1 và anh T2 chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, vợ chồng chị T1 và anh sống ly thân khoảng 03 tháng nay, trong thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị T1 được ly hôn với anh T2.

[4] *Về con chung:* Chị T1, anh T2 đều có nguyện vọng yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị T1 hiện tại có việc làm có thu nhập nhưng vì cuộc sống mưu sinh chị phải đi làm xa quê tại Bình Dương, ở nhà trọ dẫn đến cuộc sống không ổn định và không đủ điều kiện phát triển cho con. Anh T2 thì sống chung với cha mẹ, chỗ ở ổn định, làm ruộng, làm vuông đất của cha mẹ và làm nghề tự do thêm với nguồn thu nhập đủ chăm

lo cho con tốt hơn cả về vật chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu V cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, chị có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. *(Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).*

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T1, anh T2 xác định vợ chồng không ai có yêu cầu giải quyết tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T1 là nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Ngọc T1 được ly hôn với anh Đinh Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc V, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2020 cho anh T2 nuôi dưỡng (cháu V đang chung sống với anh T2), chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, chị có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Ngọc Tuyền phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002680 ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị T1 đã nộp đủ án phí

4. Bị đơn anh T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T3, bà N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Nguyên đơn chị T1 có đơn xin vắng mặt phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Phong Đông (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng